

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2025

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đông.

Ông Phạm Thanh Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị K, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng).

HKTT: ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Đinh Văn L, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2025 và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Phan Thị K trình bày: Bà và ông Đinh Văn L tự nguyện sống chung với nhau từ khoảng năm 1995, quá trình chung sống có được 02 người con chung tên Đinh Văn L1, sinh ngày 16/4/1998 và Đinh Thị Huỳnh G, sinh ngày 12/02/2002. Các con chung đã trưởng thành, độc lập kinh tế và có gia đình riêng. Do cuộc sống chung không còn hòa hợp, mâu thuẫn thường xuyên nên bà và ông L không tiếp tục sống chung với nhau từ 03 năm nay. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công

nhận quan hệ giữa bà và ông L là vợ chồng. Đối với các vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Đinh Văn L vắng mặt, quá trình giải quyết có trình bày ý kiến: Ông và bà L tự nguyện sống với nhau có được 03 người con chung, con lớn mất khi còn bé, 02 người con còn lại là Đinh Văn L1, sinh ngày 16/4/1998 và Đinh Thị Huỳnh G, sinh ngày 12/02/2002. Mặc dù sống chung với nhau từ khoảng năm 1995, giữa ông và bà L không đăng ký kết hôn do ông không biết có quy định này và thời điểm về sống chung mọi người chỉ tổ chức lễ cưới ra mắt đã được xem là vợ chồng. Đến nay giữa ông và bà K không còn sống chung nhau, do đó ông đồng ý với yêu cầu của bà K không công nhận ông và bà K là vợ chồng. Các con đã trưởng thành, tự chủ về kinh tế và lập gia đình riêng. Đối với vấn đề tài sản chung, nợ chung thì ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án, trường hợp không thỏa thuận được và có phát sinh tranh chấp thì ông hoặc bà K sẽ khởi kiện vụ án khác

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị tuyên không công nhận bà Phan Thị K và ông Đinh Văn L là vợ chồng. Đối với vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà K khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến lần thứ hai, nguyên đơn bà K và bị đơn ông L có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà K trình bày cho rằng giữa bà và ông L sống chung không đăng ký kết hôn, lời này phù hợp nội dung xác nhận tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 07/UBND-XNTTHN ngày 21/01/2025 và công văn số 13/UBND của UBND xã V về tình trạng hôn nhân của bà Phan Thị K và ông Đinh Văn L là chưa đăng ký kết hôn với ai (bl 04, 19). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, mối quan hệ giữa bà K và ông L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K, tuyên không công nhận quan hệ giữa bà K và ông L là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, bà Phan Thị K phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị K và ông Đinh Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Phan Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0008129 ngày 07/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà K đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai